

Chủ điểm ngữ pháp 6 : Động từ Have và Has

Động từ vị ngữ “have” có nghĩa là “có” và có hai dạng: **Have và Has**

I/We/You/They/ Danh từ số nhiều + have

He/She/It/Danh từ số ít + has

Task 1 : Circle the correct word. There is one example.

- 1  Jade ☐ have ☒ has an umbrella.
- 2  The gorilla ☐ have ☐ has a book.
- 3  Sam ☐ have ☐ has a kite.
- 4  The girls ☐ have ☐ has long hair.
- 5  We ☐ have ☐ has hats.

Task 2 : Look and write the correct word. There is one example.

- I We She He It They = have has
- 1 
He has a flute.
- 2 
_____ shoes.
- 3 
_____ flowers.
- 4 
_____ candles.
- 5 
_____ a cat.
- 6 
_____ cups.